

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

Số: **697** /UBND-NNMT

V/v lấy ý kiến về bổ sung Kế hoạch
sử dụng đất năm 2025 huyện
Phú Lương

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Phú Lương, ngày **14** tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Ban chỉ huy quân sự huyện;
- Các phòng, ban, ngành thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân xã Yên Lạc;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Thực hiện Thông báo số 201/TB-UBND, ngày 07/3/2025 Thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Hoàng Mác - Chủ tịch UBND huyện về thực hiện các nhiệm vụ tuần 10 năm 2025; Xét đề nghị của UBND xã Yên Lạc tại Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 13/3/2025 và Công văn số 09/CV-TLTN ngày 07/3/2025 của Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Phát triển đô thị Thăng Long Thái Nguyên về việc đăng ký bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Yên Lạc. Để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương thực hiện lấy ý kiến về bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương như sau:

1. Hồ sơ công khai lấy ý kiến gồm

Dự thảo Báo cáo thuyết minh bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương.

2. Địa điểm công khai

2.1. Cấp huyện: Trang thông tin điện tử của UBND huyện Phú Lương.

2.2. Cấp xã

- Trang thông tin điện tử của UBND xã Yên Lạc.
- Trụ sở UBND xã Yên Lạc; nhà văn hóa các xóm.

3. Thời gian công khai: 20 ngày kể từ ngày công khai thông tin về bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương.

4. Giao trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

4.1. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và truyền thông huyện: Công khai thông tin về báo cáo thuyết minh bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương trên trang thông tin điện tử của UBND huyện.

4.2. Ủy ban nhân dân xã Yên Lạc: Công khai thông tin về bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương trên trang thông tin điện tử của UBND xã; tại trụ sở UBND xã và nhà văn hóa các xóm.

4.3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phú Lương; Ban chỉ huy quân sự huyện; Các phòng, ban, ngành thuộc huyện; UBND xã Yên Lạc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan: Đóng góp ý kiến về bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương gửi UBND huyện bằng văn bản (*qua phòng Nông nghiệp và Môi trường*) trong thời gian 20 ngày kể từ ngày công khai.

Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến và hoàn thiện báo cáo thuyết minh trình Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh hồ sơ đăng ký bổ sung Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2025.

Trên đây là nội dung về việc lấy ý kiến bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương. /

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Duy Hưng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
HUYỆN PHÚ LƯƠNG NĂM 2025**

Phú Lương, năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
HUYỆN PHÚ LƯƠNG NĂM 2025**

Ngày tháng năm 2025
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Ngày tháng năm 2025
**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

Phú Lương, năm 2025

PHẦN I

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng.

Trong những năm qua, công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Lương luôn được triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành công cụ quản lý nhà nước về đất đai hiệu quả và là một trong những giải pháp lớn để sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, bền vững đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện (Quy hoạch sử dụng đất của huyện thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 24/8/2021; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 02/11/2023; Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, bao gồm cả danh mục các công trình dự án bổ sung đều được lập, thẩm định, phê duyệt đúng theo quy định).

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được duyệt là cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực, khắc phục lãng phí trong việc giao đất cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

Để đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2025 huyện Phú Lương nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung, đồng thời phân bổ đầy đủ, hợp lý, hiệu quả đất đai cho các mục đích, đối tượng sử dụng cần thiết phải lập bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện.

2. Mục đích và nội dung

2.1. Mục đích

- Tạo cơ sở pháp lý để thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, ... phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của huyện trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Làm cơ sở để UBND huyện, UBND tỉnh cân đối các nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Đề xuất khoanh định, phân bổ đất đai phục vụ yêu cầu của các hoạt động kinh tế - xã hội trong năm 2025, đảm bảo hài hoà giữa các mục đích ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là những mục tiêu phát triển kinh tế của huyện trong giai đoạn 2021-2025.

- Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất được duyệt để nắm chắc quỹ đất đai phục vụ cho việc xây dựng chính sách quản lý, sử dụng quỹ đất đai đồng bộ và có hiệu quả, sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

2.2. Nội dung

- Diện tích các loại đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch và xác định đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm; dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi;

- Diện tích các loại đất, danh mục công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024;

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 của Luật Đất đai 2024;

- Lập bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương.

- Giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

3. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu lập bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn xã Yên Lạc với các nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp và chưa sử dụng.

4. Các căn cứ lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và các Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 (*thay thế cho Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch*).

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Lương thời kỳ 2021-2030;

Quyết định số 3417/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương;

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội; nhiệm vụ giải pháp trọng tâm năm 2025 huyện Phú Lương;

Các tài liệu khác có liên quan đến lập bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương.

5. Bộ cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp

Báo cáo thuyết minh tổng hợp “*Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất huyện Phú Lương năm 2025*” được bố cục thành 4 phần như sau:

Phần I: Đặt vấn đề.

Phần II: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

Phần III: Lập bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Phần V: Kết luận và kiến nghị.

6. Sản phẩm của bổ sung Kế hoạch sử dụng đất huyện Phú Lương năm 2025

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và hệ thống bảng biểu số liệu kèm theo.

- Bản đồ bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương, tỷ lệ 1/10.000.

- Các văn bản liên quan đến quá trình thẩm định và phê duyệt.

PHẦN II

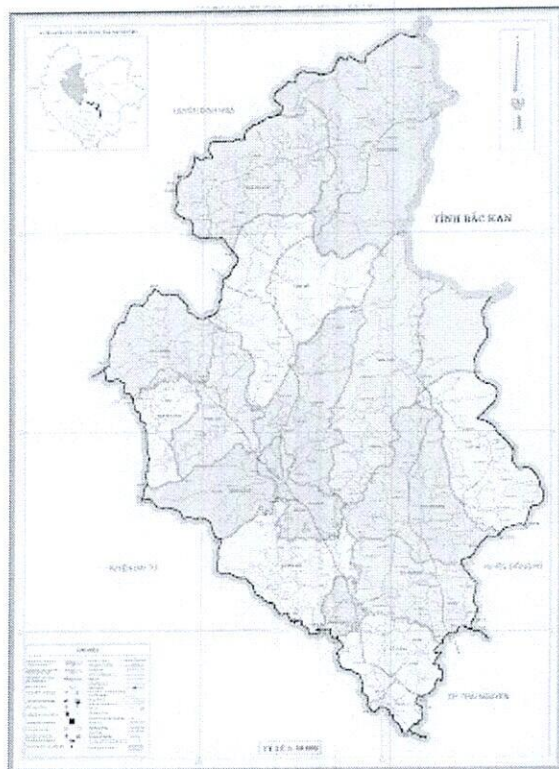
1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên, Nông nghiệp và Môi trường

1.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý

Phú Lương là huyện miền núi thấp, nằm ở phía Bắc tỉnh Thái Nguyên, tiếp giáp với Thành phố Thái Nguyên là trung tâm giao lưu kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh và khu vực, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía Bắc tỉnh Thái Nguyên.



Hình 1: Bản đồ hành chính huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Địa giới hành chính của huyện được xác định như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Định Hóa,
- Phía Đông Bắc giáp huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn,
- Phía Đông giáp huyện Đồng Hỷ,
- Phía Nam giáp thành phố Thái Nguyên,
- Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Đại Từ.

b) Địa hình, địa mạo:

Địa hình của huyện Phú Lương khá phức tạp bị chia cắt bởi nhiều suối và đồi núi, độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 100 – 400 m.

Các xã khu vực phía Bắc và Tây Bắc có địa hình núi cao, chia cắt phức tạp tạo ra nhiều khe suối, độ cao trung bình 300 ÷ 400m, độ dốc lớn, phần lớn diện tích có độ dốc trên 20⁰. Các xã phía Nam huyện có địa hình bằng phẳng hơn, độ dốc thường dưới 15⁰.

Theo kết quả đo trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 của huyện thì diện tích có độ dốc tương đối bằng (dưới 8^0) chiếm 30,4% diện tích của huyện, diện tích có độ dốc trên 20^0 , chiếm 31,3% diện tích của huyện.

c) Khí hậu:

Phú Lương nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với hai mùa Đông lạnh và Hè nắng nóng rõ rệt: Mùa Đông (từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau) nhiệt độ xuống thấp, thường xuyên có các đợt gió mùa Đông Bắc hanh khô; mùa Hè nóng từ tháng 4 đến tháng 10, nhiệt độ cao, nhiều khi có mưa lớn và tập trung.

- *Nhiệt độ:* Nhiệt độ trung bình năm từ 22^0C . Nhiệt độ bình quân cao nhất trong mùa nắng đạt khoảng $27,2^0\text{C}$, tháng 7 là tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất lên tới $28 \div 29^0\text{C}$; nhiệt độ bình quân trong mùa Đông khoảng 20^0C , thấp nhất là tháng 1 khoảng $15,6^0\text{C}$.

- *Chế độ mưa:* Phú Lương có lượng mưa bình quân khoảng từ 2.000 – 2.100mm/năm. Mưa thường tập trung vào thời gian từ tháng 4 đến tháng 10, chiếm tới trên 90% tổng lượng mưa cả năm; tháng 7 có lượng mưa lớn nhất, bình quân $410 \div 420\text{mm/tháng}$. Tháng 12 và tháng 1 lượng mưa khoảng 24 – 25mm/tháng.

- *Độ ẩm:* Phú Lương có độ ẩm tương đối, trung bình năm khoảng $83 \div 84\%$.

- *Nắng:* Phú Lương có số giờ nắng khá cao trung bình $5 \div 6$ giờ/ngày (đạt khoảng 1.630 giờ/năm), năng lượng bức xạ khoảng 115 Kcal/cm². Tổng tích nhiệt khoảng 8.000^0C . Các tháng có số giờ nắng cao thường vào tháng 5; 6; 7; 8, và tháng số giờ nắng thấp vào tháng 1, tháng 2.

d) Thủy văn

Phú Lương có hệ thống sông ngòi khá dày đặc, (bình quân $0,2\text{km/km}^2$), trữ lượng thủy văn cao, đủ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư trong huyện. Thủy chế các sông suối trong vùng khá phức tạp, mà sự tương phản chính là sự phân phối dòng chảy không đều trong năm, mùa mưa nước dồn nhanh về các sông chính tạo nên dòng chảy xiết, lũ, ngập các tuyến đường.

Các sông chính trên địa bàn huyện, gồm:

- Sông Chu và các hợp thủy của nó nằm ở khu vực phía Bắc của huyện, nhánh chính dài khoảng 10 km.

- Sông Đu được tạo thành bởi hai nhánh chính, một nhánh bắt nguồn từ phía Tây Bắc xã Hợp Thành và một nhánh từ phía Bắc xã Động Đạt. Hai nhánh gặp nhau ở phía trên thị trấn Đu và chảy về sông Cầu qua đoạn sông Giang Tiên, tổng chiều dài toàn hệ thống khoảng 45 km.

- Sông Cầu chảy từ phía Bắc xuống theo đường ranh giới phía Đông của Phú Lương (tiếp giáp với huyện Đồng Hỷ) qua các xã Phú Đô, Tứ Tranh, Vô Tranh. Đoạn sông Cầu chảy qua địa bàn huyện Phú Lương dài 17km vừa là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sinh hoạt và sản xuất của khu vực phía Nam huyện vừa là một trong những tuyến giao thông thủy quan trọng của huyện.

1.1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

a) Tài nguyên đất

Theo số liệu thống kê năm 2022 (đến 31/12/2022), tổng diện tích đất tự nhiên của huyện là 34.979,68 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 29.668,04 ha, chiếm 84,82% tổng diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 5.123,41 ha, chiếm 14,65% tổng diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng còn 188,23 ha, chiếm 0,53% tổng diện tích tự nhiên.

Theo kết quả tổng hợp trên bản đồ thổ nhưỡng 1/25.000 của huyện, trên địa bàn huyện Phú Lương có 13 loại đất chính sau:

Bảng 1: Các loại đất chính của huyện Phú Lương

Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với diện tích tự nhiên (%)
1. Đất phù sa được bồi	Pb	37,5	0,11
2. Đất phù sa không được bồi	P	400	1,17
3. Đất phù sa ngòi suối	Py	1.381,35	4,03
4. Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng	Pf	468,75	1,37
5. Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa	Fl	193,75	0,56
6. Đất dốc tụ	D	5.275,00	15,37
7. Đất bạc màu	B	312,5	0,91
8. Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Fp	1.496,87	4,36
9. Đất nâu đỏ trên đá vôi	Fv	881,25	2,56
10. Đất vàng nhạt trên đá cát	Fq	4.731,25	13,79
11. Đất đỏ vàng trên phiến thạch sét	Fs	13.050,00	38,03
12. Đất nâu đỏ trên mác ma bazơ trung tính	Fk	4.187,50	12,2
13. Đất đỏ vàng trên đá biến chất	Fj	1.900,00	5,54

(Nguồn: Bản đồ thổ nhưỡng tỉ lệ 1/25.000 huyện Phú Lương)

Đánh giá chung: Tài nguyên đất của huyện Phú Lương có sự phong phú về nhóm, loại đất nên đa dạng hóa các loại hình sử dụng với nhiều loại cây trồng như cây rừng, cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày và các loại cây công nghiệp ngắn ngày. Các loại đất phù sa, đất dốc tụ, đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa thường có độ dốc từ $0 \div 30^0$, thuận lợi cho sản xuất cây hàng năm, nhưng chỉ chiếm 23,5% diện tích đất đai của huyện do đó cần ưu tiên bố trí sử dụng các loại đất trên vào sản xuất nông nghiệp (chủ yếu là đất trồng cây hàng năm), hạn chế đến mức thấp nhất việc bố trí các loại đất này cho mục đích phi nông nghiệp. Đất đỏ vàng trên phiến thạch sét và đất nâu đỏ trên đá mácma bazơ và trung tính diện tích chiếm tới 50% diện tích các loại đất của huyện. Hai loại đất tương đối phù hợp với trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và sản xuất theo hướng nông - lâm kết hợp.

1.1.3. Tài nguyên nước

Phú Lương có hệ thống sông ngòi khá dày đặc, (bình quân $0,2\text{km}/\text{km}^2$), trữ lượng thủy văn cao, đủ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư trong huyện. Thủy chế các sông suối trong vùng khá phức tạp, mà sự tương phản chính là

sự phân phối dòng chảy không đều trong năm, mùa mưa nước dồn nhanh về các sông chính tạo nên dòng chảy xiết, lũ, ngập các tuyến đường.

1.1.4. Tài nguyên rừng

Theo kết quả số liệu thống kê đất đai đến 31/12/2023, huyện Phú Lương có diện tích đất lâm nghiệp là 16.795,7 ha, chiếm 48,02% diện tích đất tự nhiên, trong đó:

+ Đất rừng sản xuất có diện tích 14.131,1 ha, chiếm 40,40% tổng diện tích tự nhiên. Đất rừng sản xuất có ở tất cả các xã, thị trấn trong huyện, song phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã: Yên Ninh (2.135,4 ha); Yên Trạch (1.778,7 ha); Động Đạt (1.439,6 ha); Yên Đỗ (2.350,3 ha); Yên Lạc (1.378,6 ha)...

+ Đất rừng phòng hộ có diện tích 2.664,6 ha, chiếm 7,62 tổng diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã: Yên Ninh (967,7 ha); Động Đạt (267,3 ha); Yên Lạc (1.151,1 ha); Hợp Thành (72,1 ha); Ôn Lương (127,3 ha); Phú Đô (79,1 ha).

1.1.5. Tài nguyên khoáng sản

Theo báo cáo thăm dò khảo sát của Liên Đoàn Địa chất, trên địa bàn huyện Phú Lương có một số loại khoáng sản sau:

- Mỏ than: Phấn Mễ, Khánh Hòa ...đang khai thác;
- Mỏ quặng chì kẽm Yên Đỗ cũng được tỉnh cho phép khai thác tận thu.
- Đất Cao Lanh ở Phấn Mễ, Cổ Lũng. Trữ lượng khoảng 2,0 triệu tấn, điều kiện khai thác tương đối thuận lợi.
- Mỏ Titan ở Động Đạt. Trữ lượng khoảng 40 triệu tấn, đã xây dựng nhà máy chế biến quặng Titan tại xã Phú Lý, Động Đạt.
- Mỏ đá: Đang được khai thác như mỏ đá Núi Chuông (Yên Lạc) 100.000 m³ đã được cấp phép khai thác phục vụ các công trình trong huyện và các vùng lân cận.
- Đất sét: khai thác rải rác trên địa bàn huyện, nhiều nhất là ở Cổ Lũng, Phấn Mễ. Đây là nguồn nguyên liệu để sản xuất gạch ngói phục vụ nhu cầu xây dựng của nhân dân trên địa bàn huyện.

1.1.6. Tài nguyên nhân văn và du lịch

* *Tài nguyên nhân văn*: Phú Lương là vùng đất có truyền thống yêu nước, hiếu học. Qua quá trình hình thành và phát triển để lại nơi đây nhiều di tích (68 di tích lịch sử, 48 di tích kiến trúc nghệ thuật), trong đó có 3 di tích cấp quốc gia, 2 di tích cấp tỉnh. Các di tích nổi tiếng như: Khu di tích lịch sử - danh lam thắng cảnh Đền Đuổm (xã Động Đạt), Địa điểm Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 1952, khu di tích Khuân Luân (xã Hợp Thành)...

Ngoài ra Phú Lương là huyện có nhiều dân tộc sinh sống (Trong đó dân tộc Kinh chiếm 49,2%, dân tộc Tày chiếm 21,1%, dân tộc Nùng chiếm 4,5%, dân tộc Sán Chay chiếm 8,5%, dân tộc Dao 4,4%, dân tộc Sán Dìu 3,29%, còn lại các dân tộc khác như Thái, Hoa, H Mông...) và mang đậm vùng văn hóa Việt Bắc với những nét đặc sắc như lễ hội Cầu mùa, hát Sáng Cộ (dân tộc Sán Chay)...

* *Tài nguyên du lịch*: Phú Lương có nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú, phân bố rộng khắp trên các địa bàn trong huyện, thuận lợi cho khai thác và phát triển, với các loại hình như: Du lịch lịch sử văn hóa với miền văn hóa Sán Chay ở Đồng Tâm, Đồng Xiền, du lịch về chiến khu ATK...

1.2. Phân tích hiện trạng môi trường

- Là huyện có mật độ dân số không cao, diện tích rừng luôn được duy trì ở tỷ lệ che phủ trên 40%, các khu vực đô thị, công nghiệp chưa phát triển mạnh nên mức độ ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất đai chưa nghiêm trọng. Tuy nhiên do những nguyên nhân khác nhau ở một số vị trí, một số lĩnh vực vấn đề môi trường đã và đang có ảnh hưởng nhất định.

- Môi trường đất: ngày được quan tâm nhưng sự khắc nghiệt, bất thường của thời tiết (mưa, nắng kéo dài) và việc khai thác các nguồn tài nguyên chưa hợp lý đang xảy ra các quá trình xói mòn, rửa trôi, sạt lở ở vùng đồi núi; lụt, ngập úng ở một số khu vực ở các xã ven sông.

- Việc sử dụng hoá chất trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển mạnh trong thời gian qua đang ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và sản xuất.

- Việc khai thác khoáng sản phát triển nhanh và quá trình phục hồi môi trường sau khai thác đã không được chấp hành triệt để đang ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Mức độ ô nhiễm không khí không đáng kể do tỷ lệ đô thị hoá còn thấp, song tại các địa điểm dân cư tập trung, các khu chợ, dịch vụ... có lượng chất thải nhiều nhưng hệ thống thu gom và xử lý nước, rác thải chưa đầu tư đáp ứng nhu cầu, phần nào làm ô nhiễm bầu không khí và nguồn nước mạch nông.

Từ những vấn đề nêu trên, trong những năm sắp tới, cùng với quá trình khai thác các nguồn lợi một cách tối đa để phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống thì việc tái tạo cảnh quan, dự kiến trước các biện pháp để kịp thời ngăn ngừa, hạn chế khắc phục ô nhiễm, bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên môi trường sinh thái là vô cùng cần thiết.

1.3. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

- Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương (theo giá so sánh 2010) trên địa bàn năm 2024 ước đạt 681,1 tỷ đồng, bằng 100% so với kế hoạch giao, bằng 112% so với cùng kỳ năm 2023.

- Sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản

+ Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 1.416,4 tỷ đồng (Theo giá cố định 2010), bằng 100,03% kế hoạch, bằng 103,5% so với cùng kỳ.

+ Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha diện tích đất nông nghiệp ước đạt 122 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch, bằng 104% so với cùng kỳ.

+ Sản lượng lương thực có hạt cả năm ước đạt 32.651 tấn, bằng 100,03% kế hoạch, bằng 96% so với cùng kỳ.

+ Diện tích trồng rừng sản xuất ước đạt 623,2 ha, bằng 124,6% kế hoạch, bằng 121,7% cùng kỳ.

+ Diện tích chè trồng mới, trồng thay thế ước đạt 53 ha, bằng 106% kế hoạch, bằng 99% so với cùng kỳ.

+ Sản lượng chè búp tươi ước đạt 47.406 tấn, bằng 100% kế hoạch, bằng 105% cùng kỳ.

+ Sản lượng thịt hơi ước đạt 16.646 tấn, bằng 104% kế hoạch, bằng 105% so với cùng kỳ.

+ Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 1.644 tấn, bằng 100,9% kế hoạch, bằng 104% so với cùng kỳ.

+ Ổn định tỷ lệ che phủ rừng 41,5%, đạt kế hoạch đề ra.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến ngày 30/11/2024 đạt 119.395 triệu đồng, bằng 132% kế hoạch tỉnh, kế hoạch huyện; bằng 125% so với cùng kỳ. Thu ngân sách năm 2024 ước đạt 136.529 triệu đồng/90.500 triệu đồng, bằng 151% kế hoạch tỉnh, kế hoạch huyện, 127% so với cùng kỳ.

- Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 30/11/2024 đạt 851.253 triệu đồng, bằng 123% kế hoạch tỉnh, kế hoạch huyện; bằng 127% cùng kỳ. Tổng chi ngân sách năm 2024 ước đạt 1.048.733 triệu đồng, đạt 151% kế hoạch, bằng 116% so với năm 2023.

- Số trường đạt chuẩn quốc gia ước năm 2024 tăng 01 trường (đạt kế hoạch đề ra), nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia của toàn huyện là 50/53 trường, đạt 94,3%; duy trì và nâng cao hiệu quả kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Duy trì 15/15 trạm y tế đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế (đạt kế hoạch); Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 8,5%, vượt 0,2% kế hoạch đề ra, vượt 0,3% so với cùng kỳ.

- Số lao động được tạo việc làm mới ước đạt 2.162 người, bằng 135,1% kế hoạch giao, bằng 95% so với cùng kỳ; lao động được đào tạo nghề ước đạt 2.532 người, đạt 316,5% kế hoạch giao, 221% so với cùng kỳ.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong năm giảm 0,9%, vượt 0,28% kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ hộ dân ở nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98,76%, vượt kế hoạch 1,26%.

- Tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hóa ước là 96,4%, vượt 6,4% so với kế hoạch. Tỷ lệ xóm (tổ dân phố) đạt danh hiệu văn hóa ước là 100%, vượt 10% so với kế hoạch. Tỷ lệ cơ quan đạt danh hiệu Cơ quan văn hóa ước là 97,3%, vượt 1,3% kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải ước đạt 82,6%, vượt 2,6% so với kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế là 95,2%, vượt 0,2% kế hoạch.

Số người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 5.000 người, bằng 100% kế hoạch, bằng 96% so với cùng kỳ.

Số người và tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là 2.300 người, bằng 100% kế hoạch, bằng 74% so với cùng kỳ.

1.3.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực

a) Lĩnh vực kinh tế

a.1) Lĩnh vực Nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 (Theo giá cố định 2010) ước đạt 1.416,4 tỷ đồng, bằng 100,03% kế hoạch, bằng 103,5% so với cùng kỳ.

Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt (theo giá thực tế) ước đạt 122 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch, bằng 104% cùng kỳ; tăng 4,7 triệu đồng (tương ứng tăng 04%) so với năm 2023.

* Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 7.539,5 ha, giảm 63,5 ha (tương ứng 0,83%) so với năm 2023. Tổng sản lượng cây lương thực có hạt cả năm ước đạt 32.651 tấn, bằng 100,03% kế hoạch, bằng 96% cùng kỳ.

Tổng diện tích chè hiện có là 4.107,4 ha. Diện tích chè trồng mới và trồng thay thế chè ước đạt 53 ha, bằng 106% kế hoạch, bằng 99% so với cùng kỳ, trong đó trồng mới được 03 ha, trồng lại được 50 ha. Sản lượng chè búp tươi ước đạt 47.406 tấn chè búp tươi, bằng 100% kế hoạch, bằng 105% cùng kỳ. Các ngành của tỉnh, huyện tiếp tục hỗ trợ cho sản xuất, chế biến chè, tập trung phát triển cây chè trên địa bàn huyện.

* Chăn nuôi - Thú y: Trên địa bàn huyện hiện có 150 trang trại tập trung (theo Luật Chăn nuôi), chiếm 53% tổng đàn. Các địa phương tiến hành rà soát, thống kê tổng đàn vật nuôi, thực hiện tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm được 247.800 liều, bằng 112,16% kế hoạch. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 16.646 tấn, bằng 104% kế hoạch, bằng 105% so với cùng kỳ.

* Thủy sản: Toàn huyện có 700 ha nuôi trồng thủy sản. Để khai thác tốt diện tích mặt nước tăng sản lượng và chất lượng thủy sản, UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các hộ nuôi thủy sản theo phương pháp thâm canh, bán thâm canh, đưa các giống có giá trị, năng suất cao, phù hợp với địa phương, dự ước năm 2024 sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 1.644 tấn, bằng 100,9% kế hoạch, bằng 104% cùng kỳ.

* Lâm nghiệp: Chỉ đạo tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng Lâm nghiệp trên địa bàn huyện nhằm bảo đảm chất lượng cây giống, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đủ tiêu chuẩn theo quy định phục vụ cho công tác trồng rừng năm 2024. Tổng diện tích trồng rừng ước đạt 623,2 ha/500 ha, bằng 124,6% kế hoạch, bằng 121,7% so cùng kỳ. Trong 11 tháng có 375.871 cây xanh được cập nhật dữ liệu trên phần mềm quản lý cây xanh Thái Nguyên Smart Trees.

Trên địa bàn huyện hiện có 189 cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản; 42 cơ sở gây nuôi động vật hoang dã; ngành chức năng thường xuyên tổ chức kiểm tra giám sát quản lý khai thác, vận chuyển, chế biến gỗ và lâm sản. Tổng khối lượng

Lâm sản được khai thác cả năm ước đạt khoảng 49.436m³ gỗ tròn các loại . Tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC là 5.163,02 ha với 3.653 hộ tham gia . Trong năm, trên địa bàn huyện có 05 vụ vi phạm Luật lâm nghiệp, xử phạt vi phạm hành chính tổng thu nộp ngân sách Nhà nước trên 60 triệu đồng. Tăng cường công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, từ đầu năm 2024 đến nay trên địa bàn huyện không có cháy rừng xảy ra.

a.2) Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ

* Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương (theo giá so sánh 2010) trên địa bàn năm 2024 ước đạt 681,1 tỷ đồng, bằng 100% so với kế hoạch giao, bằng 112% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện Phú Lương giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt kế hoạch khuyến công năm 2024.

* Thương mại - dịch vụ: Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển Thương mại - Dịch vụ huyện Phú Lương giai đoạn 2021 - 2025. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2024 (theo giá hiện hành) ước đạt 2.775,5 tỷ đồng, bằng 115,12% so với cùng kỳ năm 2023.

Các cơ quan, ban, ngành thuộc huyện triển khai các giải pháp đảm bảo cân đối, cung cầu, bình ổn thị trường hàng tiêu dùng, tăng cường kiểm tra chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả ; đảm bảo nguồn cung cấp xăng dầu trên địa bàn huyện phục vụ nhu cầu hoạt động, sản xuất kinh doanh.

b) Lĩnh vực văn hóa - xã hội

b.1) Văn hóa thông tin, thể thao và truyền thông

* Lĩnh vực văn hoá: Tăng cường công tác quản lý di tích trên địa bàn huyện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đặc biệt là công tác huy động nguồn lực, tranh thủ các nguồn vốn từ chương trình dự án tu sửa, tôn tạo 14 di tích trên địa bàn, đảm bảo các yếu tố gốc và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân.

* Lĩnh vực thể thao: Trong 11 tháng đã tổ chức trên 900 hoạt động, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao mừng Đảng, mừng xuân, mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của địa phương trên địa bàn toàn huyện; tổ chức thành công Lễ phát động Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024.

* Lĩnh vực Thông tin - Truyền thông: Ban hành Kế hoạch thực hiện Chuyển đổi số huyện Phú Lương năm 2024, 100% các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn đã triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành, 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện được cấp chứng thư số; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện. Tiếp tục thúc đẩy thanh toán phí, lệ phí trực tuyến, thực hiện có hiệu quả mô hình Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt; đến nay 15/15 xã, thị trấn đã xây dựng và hoàn thành việc xây dựng Tuyến phố kinh doanh không dùng tiền mặt.

Phối hợp hoàn thành việc lắp đặt 07 trạm truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn huyện, đảm bảo 100% các xã, thị trấn trên địa bàn đã được lắp đặt trạm truyền thanh (Trong đó có 09 trạm truyền thanh thông minh).

b.2) Giáo dục và Đào tạo

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo đảm bảo nề nếp dạy và học, hoàn thành theo khung thời gian năm học; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác y tế, phòng chống đuối nước, bạo lực học đường tại các trường học được thực hiện tốt. Học sinh, giáo viên các cấp học đạt được nhiều giải cao tại các Hội thi cấp tỉnh; chỉ đạo kỳ thi tốt nghiệp THPT và thi tuyển sinh vào 10, các kỳ thi đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, không có thí sinh vi phạm Quy chế bị xử lý. Chỉ đạo xét duyệt hoàn thành chương trình tiểu học đối với học sinh lớp 5, duyệt Tốt nghiệp lớp 9 THCS năm học 2022 - 2023.

Chỉ đạo công tác đảm bảo cơ sở vật chất, xây dựng trường chuẩn quốc gia; dự kiến đến hết năm 2024, toàn huyện có 50/53 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 94,34% (tăng 02 trường so với cùng kỳ năm trước, vượt 02 trường so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện).

b.3) Chính sách xã hội, lao động, việc làm

Trong năm, UBND huyện đã phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Thái Nguyên, các đơn vị tuyên truyền chính sách về việc làm và tổ chức sàn giao dịch việc làm cho người lao động. Lao động được tạo việc làm mới 2.162/1.600 người (đạt 135,1% kế hoạch giao); lao động được đào tạo nghề 2.532/800 người (đạt 316,5% kế hoạch giao).

Tổ chức tặng quà Tết Nguyên đán năm 2024 cho 100% đối tượng người có công trên địa bàn huyện với 4.024 suất, tổng số tiền là 1.246 triệu đồng. Triển khai thực hiện việc tạo tài khoản an sinh cho 100% đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng. Toàn huyện có 27.601 hộ, trong đó: Hộ nghèo là 490 hộ chiếm tỷ lệ 1,78% (Giảm 246 hộ nghèo bằng 0,9%, vượt 0,28% kế hoạch giao); Hộ cận nghèo giảm 741 hộ chiếm tỷ lệ 2,68% (Giảm 49 hộ bằng 0,20%, đạt 90,9%).

b.4) Công tác y tế, dân số, dân tộc, tôn giáo

* Công tác y tế: Hoạt động khám, chữa bệnh tại Trung tâm y tế và các trạm y tế cơ sở được duy trì thường xuyên, chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh. Số lượt khám chữa bệnh năm 2024 ở tuyến huyện ước đạt 92.321 lượt người, tổng số bệnh nhân điều trị nội trú là 7.408 bệnh nhân. Công tác khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi và người nghèo, đối tượng chính sách được quan tâm. Kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm các dịp lễ hội trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán, tại một số trường mầm non và tiểu học trên địa bàn. Trong năm, không có ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn huyện.

* Công tác dân tộc, tôn giáo: Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện các dự án thành phần của Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và Miền núi tại các xã, thị trấn. Thường xuyên nắm tình hình, giữ mối liên hệ chặt chẽ với các tổ chức tôn giáo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tình hình tôn giáo trên địa bàn ổn định, UBND huyện thành lập đoàn tổ chức thăm các điểm tôn giáo nhân dịp Lễ phục sinh, Lễ Phật đản, Lễ Vu Lan.

(Nguồn: Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2025 huyện Phú Lương)

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường

1.4.1. Thuận lợi và cơ hội phát triển

Phú Lương nằm kề với thành phố Thái Nguyên (trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế của tỉnh và khu vực) vùng chiến khu kháng chiến ATK và dọc theo quốc lộ 3 nối Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng... với vị trí địa lý và giao thông thuận lợi như trên, huyện Phú Lương có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, xây dựng các khu dân cư tập trung, các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, dịch vụ thương mại cũng như việc thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài.

- Tài nguyên đất đai có nhiều nhóm, loại đất và với các tiểu vùng khí hậu đặc thù cho phép để phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi phong phú.

- Điều kiện khí hậu Phú Lương cho phép phát triển nhiều loại cây trồng: cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, trồng rừng hoặc nông, lâm kết hợp.

- Tài nguyên khoáng sản đa dạng phong phú, tuy không có trữ lượng lớn nhưng có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế của huyện, đặc biệt sản xuất vật liệu xây dựng, quặng, than...

- Là vùng đất với nhiều di tích lịch sử, di tích kết hợp danh lam thắng cảnh... tạo cho huyện phát triển một số loại hình du lịch.

1.4.2. Những tồn tại, hạn chế

- Địa hình dốc và chia cắt mạnh gây khó khăn trong việc đầu tư khai hoang, cải tạo đồng ruộng và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Hệ thống các sông, suối dốc, thảm thực vật suy giảm hạn chế đến khả năng điều tiết nguồn nước (đặc biệt trong mùa khô) và bảo vệ môi trường.

- Với diễn biến bất lợi của khí hậu trong những năm gần đây... đã gây thiệt hại không nhỏ cho sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân. Chất lượng đất nhiều khu vực đang có tác động xấu do hiện tượng xói mòn, rửa trôi.

- Nguồn tài nguyên có trữ lượng nhỏ, phân tán hạn chế đến khả năng phát triển và thu hút đầu tư có quy mô lớn.

PHẦN III: LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

1. Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Tổng diện tích lập bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 0,74 ha để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Yên Lạc; địa điểm tại xã Yên Lạc, huyện Phú Lương.

Diện tích tăng thêm được chuyển từ các loại đất:

+ Đất ở nông thôn:	0,04 ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác:	0,30 ha
+ Đất chuyên trồng lúa nước:	0,13 ha
+ Đất trồng cây lâu năm:	0,11 ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản:	0,03 ha
+ Đất giao thông:	0,02 ha
+ Đất sông suối:	0,1 ha
+ Đất chưa sử dụng:	0,01 ha

2. Bổ sung Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2025

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2025 là 0,74 ha. Trong đó,

- Thu hồi bổ sung đất nông nghiệp là 0,57 ha.
- Thu hồi bổ sung đất phi nông nghiệp là 0,16 ha.
- Thu bồi bổ sung đất chưa sử dụng là 0,01 ha.

3. Bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là 0,74 ha. Trong đó:

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là 0,57 ha.
- Chuyển mục đích từ nhóm đất khác là 0,17 ha.

4. Bổ sung diện tích đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 là 0,01 ha

5. Bổ sung danh mục các công trình, dự án

- Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đối với Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Yên Lạc; địa điểm tại xã Yên Lạc, huyện Phú Lương.

PHẦN III: GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Sau khi Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2025 của huyện được phê duyệt cần tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất bổ sung trên cổng thông tin điện tử cấp huyện, trụ sở UBND cấp huyện và tại trụ sở UBND cấp xã theo quy định. UBND huyện xây dựng phương án giải phóng mặt bằng, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện để các nhà đầu tư được giao mặt bằng sớm, xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến các xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư của các dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai theo quy định của pháp luật.

- Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho UBND huyện về quản lý nhà nước đối với đất đai; đề xuất các biện pháp quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo Luật Đất đai hiện hành, hướng dẫn các ngành sử dụng đất có hiệu quả đi đôi với việc bảo vệ tài nguyên đất và môi trường.

PHẦN V

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất được xây dựng là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm của các cấp nhằm khắc phục tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất tràn lan, gây lãng phí tài nguyên đất.

Nội dung Kế hoạch sử dụng đất được xây dựng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật đất đai. Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia của các ngành, đơn vị liên quan, dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND huyện đảm bảo tính khách quan.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương đã xác định đầy đủ, cụ thể, chi tiết nhu cầu sử dụng đất của tất cả các ngành, lĩnh vực, các cấp trên địa bàn huyện, nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2025 và những năm tiếp theo, bảo đảm quỹ đất hiện có của huyện được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, mang lại hiệu quả cao nhất, đồng thời với việc phát triển bền vững về bảo vệ môi trường.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Lương được duyệt sẽ là căn cứ để khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất đai, lao động trên từng địa bàn huyện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống trong các tầng lớp dân cư.

II. Đề nghị

Đề nghị Sở Nông Nghiệp & Môi trường tiếp tục quan tâm, chỉ đạo đối với các dự án được UBND huyện Phú Lương đề xuất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được triển khai thực hiện.

Đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm bổ sung 2025 của huyện Phú Lương để làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025 đáp ứng được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện./.

UBND HUYỆN PHÚ LƯƠNG
PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NNMT-ĐĐ

Phú Lương, ngày 13 tháng 3 năm 2025

V/v phúc đáp Công văn số 47/PTQĐ ngày
07/3/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện

Kính gửi: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Lương.

Ngày 10/3/2025, Phòng Nông nghiệp và Môi trường nhận được Công văn số 47/PTQĐ ngày 07/3/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Lương về việc xác định giá đất để xây dựng phương án bồi thường thực hiện dự án: Cụm công nghiệp Yên Lạc, xã Yên Lạc.

Sau khi kiểm tra danh sách chi tiết các thửa đất đề nghị xác định giá đất thực hiện dự án Cụm công nghiệp Yên Lạc, xã Yên Lạc theo Công văn số 47/PTQĐ ngày 07/3/2025 Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, Phòng Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện thực hiện rà soát lại số thửa đất và diện tích thửa đất đề nghị xác định giá đất đảm bảo khớp đúng với Thông báo thu hồi đất của UBND huyện Phú Lương ban hành (thửa đất số 334 tờ bản đồ số 42, thửa đất số 451 tờ bản đồ số 35, thửa đất số 279 tờ bản đồ số 47....).

Phòng Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Lương rà soát tổng thể các thửa đất đề nghị xác định giá đất tại dự án Cụm công nghiệp Yên Lạc trước khi đề nghị lại nội dung xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất dự án trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách (B/c);
- Lưu: NNMT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Phan Thanh Lượng